

Phụ lục XXIX
PHƯƠNG HƯỚNG QUẢN LÝ VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN
TỈNH ĐẮK LẮK THỜI KỲ 2021 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khu	Diện tích dự kiến (ha)
1	Vàng	4	143,22
2	Thạch anh	4	90,22
3	Fluorit	2	4,35
4	Diatomit	3	314,60
5	Đá làm ốp lát, mỹ nghệ	34	1.387,15
6	Cao lanh, feldspat	2	223,16
7	Thạch anh deluvi	1	4,00
8	Chì kẽm	1	10,00
9	Sét cao-lanh (Bentonit)	1	2,70
10	Sắt Laterit	9	34.648
11	Đá Gabro	1	12,74
12	Đá granit	7	20,05
13	Đá làm vật liệu xây dựng	198	2.775,20
14	Cát làm vật liệu xây dựng	119	2.733,28
15	Sét sản xuất gạch	59	503,73
16	Than bùn	1	4,37
17	Tro núi lửa	1	26
18	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên	4	
19	Đất, cát san lấp	303	4.378,79

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ quy hoạch cấp cao hơn và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) để bổ sung vào các quyết định khoanh định khu vực không đấu giá, kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản bảo đảm phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh, các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền và quy định hiện hành.

- Các khu vực bãi thải của mỏ có quyết định đóng cửa mỏ và các khu vực khoáng sản được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán,



nhỏ lẻ thì quy mô diện tích, công suất, giai đoạn theo dự án đầu tư, đề án thăm dò được lập và phê duyệt.

- Tất cả các khu vực quy hoạch khi thăm dò phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn khoáng sản nhóm III phải báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết, định hướng khai thác sử dụng đúng giá trị tài nguyên.

- Đối với cát xây dựng và san lấp trên tuyến sông phải có đầu tư khảo sát đánh giá, xác định chi tiết diện tích thăm dò, khai thác để đảm bảo an toàn môi trường, dòng chảy và lòng bờ, bãi sông, tuân thủ theo các quy định Luật Địa chất và khoáng sản và các Nghị định có liên quan./.

 
K